

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN N

TỈNH KON TUM

Số: 01/2024/QĐST – DS.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

N, ngày 03 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 94/2023/TLST – DS ngày 13 tháng 12 năm 2023;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng V; địa chỉ trụ sở chính: Số X, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội;

Người đại diện cho Ngân hàng V: Ông Phan Văn T – Phó giám đốc phụ trách Ngân hàng V chi nhánh huyện N, tỉnh Kon Tum; (Theo các quyết định ủy quyền số 2664/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 và quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của tổng giám đốc Ngân hàng V); địa chỉ: Số Y, đường T, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

Đồng bị đơn: Ông N và bà K; người đại diện theo ủy quyền của bà K là ông N; cùng địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc thanh toán nợ vay:

Ngày 11-8-2023 giữa Ngân hàng V với ông N và bà K ký kết hợp đồng tín dụng số 5103-LAV-202302663 với số tiền gốc vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay 06 tháng, kể từ ngày 11/8/2023 đến hết ngày 11/02/2024, mục đích vay chăm sóc cà phê. Mức lãi suất cho vay trong hạn 9%/năm, mức lãi suất quá hạn tính bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn. Định kỳ trả lãi 03 tháng/lần; 02 lần/định kỳ vay.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông N và bà K đã vi phạm việc trả tiền lãi, đúng như Ngân hàng V khởi kiện.

Các đương sự thỏa thuận thống nhất: Ông N và bà K chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng V tổng số tiền dư nợ gốc và lãi tính đến ngày 03/01/2024 (ngày thỏa thuận có hiệu lực pháp luật) là 207.200.000đ (*Hai trăm linh bảy triệu, hai trăm nghìn đồng*), trong đó tiền gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi 7.200.000 đồng.

2.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự và Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Công nhận thỏa thuận giữa Ngân hàng V với ông N và bà K: Kể từ ngày 04-01-2024 nếu ông N và bà K chậm thanh toán tiền thì phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thi hành xong nợ. Bên vay phải chịu sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay. Mức lãi suất Tòa án quyết định cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ông N và bà K có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng V số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*), thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật. Nếu chậm trả chịu lãi 10%/năm/số tiền chậm trả.

2.4. Về xử lý tài sản bảo đảm:

Cho đến hết ngày 03 tháng 01 năm 2024, nếu ông N và bà K không trả đủ số tiền gốc và lãi trên, Ngân hàng V được yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 5103LCL2019.00980 ngày 10/4/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 5103LCL2019.00980 ngày 31/7/2023. Tài sản bảo đảm: 01 xe ô tô tải trọng hàng hóa 675, 05 chỗ, nhãn hiệu NISSAN, số loại NAVARALE, màu sơn đen, sản xuất năm 2012, số máy YD25428984T; số khung MNTVCUD40Z 0047735; biển số đăng ký 82C-013.65 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003975 do Công an tỉnh Kon Tum cấp ngày 07/02/2013 cho chủ sở hữu là ông N; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum.

Nếu tài sản bảo đảm xử lý còn dư sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ sẽ được trả lại cho ông N và bà K; nếu thiếu thì ông N và bà K chịu trách nhiệm trả số tiền còn thiếu.

2.5. Về án phí:

Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa

án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Ông N và bà K cùng chịu trách nhiệm nộp số tiền 5.180.000đ (*Năm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Ngân hàng V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 5.134.000đ (*Năm triệu một trăm ba mươi bốn nghìn đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23 số 0001956 ngày 13-12-2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Đồng bị đơn;
- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện;
- Lưu: HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo